

CÔNG AN BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Phòng CSGT-TT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: A 0002414

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Tên chủ xe: 03 CMTS Chánh Nghĩa TDM BD
Nơi thường trú: MAZDA **Số loại:** 323
Loại xe: Ô tô con **Màu sơn:** Bạc
Số máy: 684221 **Số khung:** 000968
Tự trọng: kg
Tải trọng: - Hàng hóa: 05 kg
 - Số chỗ ngồi: (Kể cả lái phụ xe)
 Bình Dương, ngày 19 tháng 06 năm 1994

Biển số: 61H-4855
Đăng ký lần đầu
ngày 19/06/2004

Trưởng phòng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ..., the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Nq: KD 4441356

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

- 1- Phải nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông.
- 2- Khi mua, bán, cho, tặng xe phải làm thủ tục sang tên đổi chủ.
- 3- Phải khai báo cơ quan CSGT nơi đăng ký xe những trường hợp dưới đây:
 - Thay đổi toàn bộ màu sơn xe; vẽ dán quảng cáo trên xe; thay đổi tổng thành máy, khung xe; xe hỏng nát không lưu hành; thay đổi hệ thống lái, phanh, hệ thống treo, hệ thống truyền động, xe bị mất, mất biển số hoặc đăng ký xe.

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **61H-4855** Số quản lý: **6101S-013540**
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
 Loại phương tiện: (Type) ô tô con
 Nhân hiệu: (Mark) MAZDA
 Số loại: (Model code) 323
 Số máy: (Engine Number) ZM-684221
 Số khung: (Chassis Number) BJ10M2MH-000968
 Năm, Nước sản xuất: 2004, Việt Nam Niên hạn SD:
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
 Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1470/1470 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 4365 x 1695 x 1430 (mm)
 Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2610 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1111 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized pay load)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1540/1540 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1598 (cm³)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 78(kW)/5500vph
 Số sê-ri: (No.) KD-4441356 422881271731

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)

1. 2: 175/65 R14
 2. 2: 175/65 R14

Bình Dương, ngày 26 tháng 10 năm 2020
 (Issued on: Day/Month/Year)
 Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.) 6110D-02017/20
 ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER)
 Có hiệu lực đến hết ngày 100
 (Valid until) 25/04/2021



26-10-2020 10:11:17

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)
 Ghi chú: